

Bản án số: 63/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/9/2022.

V/v *Ly hôn*.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Vũ Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Triệu Lát.

Bà Phạm Thị Hương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2022/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2022 và Thông báo dời ngày xét xử số 06/2022/TB ngày 29/8/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1987; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà E, ấp H N, xã L H, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Anh Lý S, sinh năm 1994; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà R, khóm V T, Phường Y, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 01 năm 2022, cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D trình bày:*

Năm 2019, chị Trần Thị Mỹ D kết hôn với anh Lý S và được Ủy ban nhân dân xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/01/2019. Su khi kết hôn, chị Trần Thị Mỹ D và anh Lý S chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng không có con chung. Su đó, cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng không còn sống chung với nhau từ ngày 26/01/2022 cho đến nay.

Nay, chị Trần Thị Mỹ D yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề Su:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ D xin được ly hôn với anh Lý S.
- Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Lý S:* Su khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án; thông báo mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật và triệu tập họp lệ đối với bị đơn anh Lý S để tham gia phiên tòa nhưng anh Lý S vẫn cố tình vắng mặt. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án có thông báo kết quả mở phiên họp cho anh Lý S biết.

*Tại phiên tòa vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến:*

Về pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn anh Lý S chưa chấp hành tốt theo giấy triệu tập của Tòa án tại các phiên họp và hòa giải. Đồng thời, bị đơn anh Lý S đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lý S theo quy định của pháp luật.

Về pháp luật nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D được ly hôn với anh Lý S.
- + Về con chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.
- + Về tài sản chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.
- + Về nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Su khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **Về pháp luật tố tụng:**

[1]. Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc “Ly hôn” là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Tòa án thụ lý giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn anh Lý S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lý S theo quy định của pháp luật.

**Về pháp luật nội dung:**

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Mỹ D với anh Lý S được xác lập vào năm 2019 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Mỹ D với anh Lý S là hợp pháp. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do trong thời gian sống chung với nhau chị Trần Thị Mỹ D với anh Lý S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung với nhau từ ngày 26 tháng 01 năm 2022 cho đến nay. Đồng thời, chị Trần Thị Mỹ D kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lý S. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa Trần Thị Mỹ D với anh Lý S lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Trần Thị Mỹ D được ly hôn với anh Lý S.

[2] *Về con chung:* Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Về tài sản chung:* Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về nợ chung:* Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Chị Trần Thị Mỹ D phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các Điều 51, 53, 56, 57, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D được ly hôn với bị đơn anh Lý S.

2. Về con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Mỹ D phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số: 0002245 ngày 15/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu. Chị Trần Thị Mỹ D đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Đương sự có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

*Nơi nhận:*

- VKSND TXVC;
- THADS TXVC;
- Phòng KTNV&THA TAND Tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã L H, TX V C, Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Vũ Phương**